

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
THANH THANH CONG – BIEN HOA
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness**

Số/ No.: 48...../2026/CV/TTCBH

Tây Ninh, ngày 26... tháng 2... năm 2026

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình
thanh toán gốc, lãi

Tay Ninh, 26 Feb, 2026

Re: Periodic disclosure of information on the
principal and interest payment status

Kính gửi/ To: - **Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội/ The Hanoi Stock Exchange**
- **Người Sở Hữu Trái Phiếu/ Bondholder**

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 6/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

Pursuant to the provisions of Circular No. 76/2024/TT-BTC dated November 6, 2024, issued by the Ministry of Finance providing guidance on information disclosure and reporting requirements for the offering and trading of private placement corporate bonds in the domestic market and the offering of corporate bonds in international markets, Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company hereby submits its periodic information disclosure regarding the status of principal and interest payments on its bonds as follows:

1. Thông tin doanh nghiệp/ Company information

- Tên doanh nghiệp: Công Ty Cổ Phần Thành Thành Công - Biên Hòa
Company name: Thanh Thanh Cong – Bien Hoa Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ *Enterprise Registration Certificate No:*
3900244389
- Ngày cấp/ *Date of issuance:* 15/07/1995
- Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh
Place of issuance: Department of Planning and Investment of Tay Ninh Province
- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Head office address: Tan Loi Hamlet, Tan Phu Commune, Tay Ninh Province, Vietnam
- Số điện thoại/ *Tel:* 02763757250 Số fax giao dịch/ *fax number:* 02763839834
- Địa chỉ thư điện tử/ *Email:*
- Loại hình doanh nghiệp/ *Business type:* Công ty đại chúng/ *Publicly listed company*
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính/ *Business line:* Sản xuất đường/ *Sugar production*
- Mã số thuế/ *Tax number:* 3900244389

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ The status of bond principal and interest payment:

- Kỳ báo cáo: 6 tháng (từ ngày 01/07/2025 đến hết ngày 31/12/2025)



Reporting period: 6 months (from July 1st, 2025 to December 31st, 2025)

- Ngày thông kê/ Reporting date: 31/12/2025
- Nội dung báo cáo/ Report content: Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm/ Details as specified in the attached Appendix I

NGƯỜI LẬP BIỂU/

PREPARED BY

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

(Signature, Full Name, Position)



Nguyễn Thị Thanh Na

Chuyên viên Nghiệp vụ Ngân hàng/

Investment Banking Specialist

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/

LEGAL REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, Full Name, Seal)



Đặng Huỳnh Úc My

Chủ tịch Hội đồng quản trị/

Chairlady of the BOD

002443
ÔNG T
Ổ PHẢ
H THÀNH
BIÊN HÒ
TÂY

Phụ lục I: Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu

STT	Mã Trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê (đồng)	Trả lãi / Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nêu cụ thể kết quả đàm phán)
1	SBTH2327001	200.000.000.000	200.000.000.000	Lãi	26/09/2025	26/09/2025	26/09/2025	9,220	4.647.890.411	4.647.890.411				
2	SBTH2327001	200.000.000.000	200.000.000.000	Lãi	26/12/2025	26/12/2025	26/12/2025	9,220	4.597.369.864	4.597.369.864				
3	SBTB2326002	500.000.000.000	500.000.000.000	Lãi	30/08/2025	03/09/2025	03/09/2025	8,175	10.302.739.726	10.302.739.726				
4	SBTB2326002	500.000.000.000	500.000.000.000	Lãi	30/11/2025	01/12/2025	01/12/2025	8,175	10.302.739.725	10.302.739.725				
5	SBTH2427001	500.000.000.000	500.000.000.000	Lãi	29/07/2025	29/07/2025	29/07/2025	9,500	23.554.794.518	23.554.794.518				
6	SBTB2427001	700.000.000.000	700.000.000.000	Lãi	13/09/2025	15/09/2025	15/09/2025	10,075	17.776.164.357	17.776.164.357				
7	SBTB2427001	700.000.000.000	700.000.000.000	Lãi	13/12/2025	15/12/2025	15/12/2025	10,075	17.582.945.204	17.582.945.204				
8	SBT12501	500.000.000.000	500.000.000.000	Lãi	30/09/2025	30/09/2025	30/09/2025	9,600	12.098.630.135	12.098.630.135				
9	SBT12501	500.000.000.000	500.000.000.000	Lãi	30/12/2025	30/12/2025	30/12/2025	9,600	11.967.123.290	11.967.123.290				

